**BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI** VĂN 8 KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

**Bài 3: LỜI SÔNG NÚI**

*Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất  
Những buổi ngày xưa vọng nói về.*

(Nguyễn Đình Thi)

Ngày dạy: …/…/….

**Tiết: ...: TRI THỨC NGỮ VĂN** (Chữ cái in hoa, căn giữa)

**I. Mục tiêu**

***1. Kiến thức:***Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

***2. Năng lực:***Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***3. Phẩm chất:***Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm bài viết, bài trình bày của HS.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. Tiến trình dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**  - GV đặt câu hỏi gợi mở: *Để một văn bản nghị luận có tính logic, chặt chẽ chúng ta cần quan tâm vào yếu tố nào?*  **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **2.1. Tìm hiểu *Giới thiệu bài học***  Hướng dẫn tìm hiểu 2 nội dung: Chủ đề của bài học và thể loại chính của các văn bản đọc hiểu  **2.2. Khám phá *Tri thức ngữ văn***  - Khám phá lần lượt các đơn vị kiến thức có trong mục Tri thức ngữ văn  - Riêng các đơn vị kiến thức tiếng Việt, không hướng dẫn học sinh tìm hiểu ở tiết này*(để tìm hiểu ở tiết Thực hành TV)*.  **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.  - HS nghe câu hỏi, đọc phần *Tri thức ngữ văn* và hoàn thành trả lời câu hỏi chắt lọc ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  ***Dự kiến sản phẩm làm nhóm đôi:***  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn về mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 58)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi chép  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Phần ghi chép của HS  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  **Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng**  **…..**  GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.* | **I. Giới thiệu bài học**  1- Chủ đề bài học:*Lời sông núi*  2- Thể loại chính của các văn bản  **:** Nghị luận  **II.Tri thức ngữ văn**  ***- Luận đề:***  là vấn đề được luận bàn trong văn bản nghị luận. Vấn đề đó có tính chất bao trùm, xuyên suốt văn bản. Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề. Luận đề có thể được nêu rõ ở nhan đề, ở một số câu hoặc có thể được khái quát từ toàn bộ nội dung của văn bản. Luận đề trong văn bản nghị luận xã hội là hiện tượng hay vấn đề của đời sống được nêu để bàn luận.  **- Luận điểm** là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. Qua luận điểm được trình bàycó thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận  **2. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận**  Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận. Mối liên hệ này có tính tầng bậc. Như đã nêu trên, văn bản nghị luận trước hết phải có một luận đề. Từ luận đề, người viết triển khai thành các luận điểm. Mỗi luận điểm muốn có sức thuyết phục, cần được làm rõ bằng các lí lẽ và mỗi lí lẽ cần được chứng minh bằng các bằng chứng cụ thể. Có thể hình dung mối liên hệ này qua sơ đồ sau:  A picture containing text, screenshot, font, receipt  Description automatically generated  **3. Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp**  Diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp là các kiểu đoạn văn được phân biệt dựa vào cách thức tổ chức, triển khai nội dung. Việc phân biệt các kiểu đoạn văn này liên quan đến câu chủ đề, tức là câu thể hiện nội dung bao quát của đoạn văn.  - Đoạn văn diễn dịch: Đoạn văn có câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, những câu tiếp triển khai các nội dung cụ thể để làm rõ chủ đề của đoạn văn.  - Đoạn văn quy nạp: Đoạn văn triển khai nội dung cụ thể trước, từ đó mới khái quát nội dung chung, được thể hiện bằng câu chủ đề ở cuối đoạn văn.  - Đoạn văn song song: Đoạn văn không có câu chủ đề, các câu trong đoạn có nội dung khác nhau, nhưng cùng hướng tới một chủ đề.  - Đoạn văn phối hợp: Đoạn văn kết hợp diễn dịch với quy nạp, có câu chủ đề ở đầu đoạn và cuối đoạn.  **III. Luyện tập, vận dụng** |

**\*Củng cố, hướng dẫn về nhà**

**Tuần:**

**Tiết:**

**BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI**

**ĐỌC VĂN BẢN 1: HỊCH TƯỚNG SĨ**

**Trần Quốc Tuấn**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Năng lực**

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp [2].

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt [3].

***\* Năng lực đặc thù***

* HS nhận biết được nội dung bao quát; luận để, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB nghị luận.

 - Nắm được đặc điểm cơ bản của thể văn hịch và đặc sắc nghệ thuật của văn chính luận Hịch tướng sĩ.

- Cảm nhận được lòng yêu nước bất khuất của Trần Quốc Tuấn, của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; lòng căm thù giặc, tinh thần quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược

- Biết vận dụng bài học để viết bài văn nghị luận, có sự kết hợp giữa tư duy lô gíc và tư duy hình tượng, giữa lí và tình cảm.

**2. Phẩm chất:** có tinh thẩn yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đổng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**soạn bài theo nội dung được phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ / KHỞI ĐỘNG**   * ***Mục tiêu:*** huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm hình thành vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS. * ***Nội dung***: HS xem, nhận diện, nêu ra được những suy nghĩ của bản thân, trải nghiệm của bản thân về vẻ đẹp của bầu trời (trong buổi hoàng hôn, trong đêm…) hoặc khung cảnh thiên nhiên (có thể là cảnh thiên nhiên về đêm). * ***Sản phẩm:*** HS trình bày được những cảm nhận của cá nhân. Từ đó, nhận thức được vẻ đẹp của thiên nhiên, đặc biệt là bầu trời đêm; ý thức được cần phải gìn giữ vẻ đẹp đó. * ***Tổ chức thực hiện:*** 5’ | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***Ổn định trật tự lớp.***  ***Chuyển giao nhiệm vụ***  *- Gv nêu câu hỏi:* Em hãy kể tên những danh tướng  của nhà Trần? Ai là danh tướng kiệt xuất nhất có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên ( 1285, 1287)?  *- Dự kiến sản phẩm:*Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải...  Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (1285, 1287) .Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt,  không chỉ lưu danh bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch Tướng Sĩ”.  *=>GV gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học*: Trần Quốc Tuấn là một trong những danh tướng kiệt xuất của nhân dân Việt Nam và của thế giới thời trung đại. Ông là người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên (1285, 1287) .Ông là một nhân vật lịch sử đặc biệt,  không chỉ lưu danh bằng một sự nghiệp võ công hiển hách mà còn để lại cho muôn đời một áng văn bất hủ “Hịch Tướng Sĩ”. | *Tạo tâm thế vào bài mới* |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **a) Mục đích:** Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Trần Quốc Tuấn và văn bản Hịch tướng sĩ.  **b) Nội dung:** Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***Chuyển giao nhiệm vụ:***  **Đọc mục “*Sau khi đọc*” và trình bày những nét chính về tác giả Trần Quốc Tuấn**  ***Thực hiện nhiệm vụ:*** GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, tìm ý, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  ***Báo cáo***: GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***: GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.  ***Chuyển giao nhiệm vụ:***  **Tổ chức đọc:** Khi đọc, chú ý ngữ điệu phù hợp với nội dung văn bản. Giọng đọc rõ ràng, diễn cảm.  **Trao đổi, trình bày:**   1. văn bản được viết theo thể loại nào?   2. Bài hịch được Trần Quốc Tuấn viết ra nhằm mục đích gì?   1. Xác đinh bố cục của bài hịch và nêu rõ vai trò của từng phần trong việc thực hiện mục đích của bài hịch.   ***Thực hiện nhiệm vụ:*** GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, trao đổi và hoàn thành phiếu học tập số 1  ***Báo cáo***: GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***: GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**:  - **Trần Quốc Tuấn** (1231 ? - 1300) tước Hưng Đạo Vương, là một danh tướng kiệt xuất của dân tộc. Đặc biết là trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược nước ta .  - Nhân dân tôn ông là Đức Thánh Trần và lập đền thờ ởnhiều nơi trên cả nước.  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc – Chú thích**  **b. Thể loại: Hịch**  **c. Mục đích viết bài hịch của Trần Quốc Tuấn**  **là**: khuyên nhủ các tì tướng phải chăm lo rèn tập võ nghệ, tích cực học tập *Binh thư yếu lược* do chính Trần Quốc Tuấn soạn.  **d. Bố cục:**4 phần  -phần 1: từ đẩu đến *còn lưu tiếng tốt!:* nêu những gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách để khích lệ ý chí lập công danh, xả thân vì nước;  -phẩn 2 từ *Huống chi* đến *ta cũng cam lòng:* tố cáo tội ác của giặc và nỗi lòng của chủ tướng  Phần3: từ *Các ngươi ở cùng ta* đến *muốn vui chơi phỏng có được khống?:*phân tích phải trái, làm rỗ đúng sai trong lối sống, hành động của các tướng sĩ;  phần 4 (còn lại): nêu nhiệm vụ cụ thể, cấp bách, khích lệ tinh thần chiến đấu của tướng sĩ). |
| **II. Tìm hiểu chi tiết** | |
| **a) Mục đích:**  - Nắm được lòng yêu nước của vị chủ tướng -> khích lệ tinh thần yêu nước của quân sĩ.   - HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.  **b) Nội dung:** Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Giáo viên nêu yêu cầu:  1. Tác giả đã nêu những tấm gương lịch sử nào?  2. Những tấm gương này có điểm chung là gì? Tác giả đã lập luận như thế nào? Nêu tác dụng của phép lập luận ấy?  **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + *Học sinh*: suy nghĩ trả lời.  + *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời  + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  =>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.  **a) Mục đích:** Thấy được tội ác của giặc và lòng căm thù giặc của tác giả và những việc làm sai trái của các tì tướng.  **b) Nội dung:** Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của nhóm.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Để khơi gợi những cảm xúc mạnh mẽ trong lòng các tì tướng và thuyết phục họ, Trần Quốc Tuấn đã nhắc đén nhiều hiện tượng trong thực tế. Đó là những hiện tượng nào?*  GV yêu cầu hs hoàn thành phiếu học tập số 2   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhóm các hiện tượng trong thực tế và các biểu hiện cụ thể** | | **Cảm xúc chủ đạo được khơi gợi trong lòng các tì tướng** | | **Các hiện tượng trong thực tế** | **Các biểu hiện cụ thể** | | **Những tội ác của giặc** | -  -  - |  | | **Những tình cảm, suy nghĩ, hành động của chủ tướng** | -  -  - |  | | **Những việc làm của các tì tướng** | -  -  - |  |   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + Học sinh: làm việc theo nhóm  + Giáo viên: quan sát hs làm việc, hỗ trợ khi cần thiết  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +  Học sinh báo cáo  + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức  GV: Em hãy nhận xét về cách diễn đạt của tác giả khi nêu ác hiện tượng trong thực tế ?  HS: Hoạt động cá nhân  **a) Mục đích:** Giúp HS nắm được các lí lẽ Trần Quốc Tuấn đã dùng để kêu gọi các tì tướng phải rèn tập vỗ nghệ, học tập cuốn *Binh thư yếu lược,* chuẩn bị cho việc đánh giặc, giữ nước  **b) Nội dung:** Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Giáo viên nêu yêu cầu:   1. Với tư cách là chủ tướng, Trần Quốc Tuấn đã dùng những lí lẽ nào để kêu gọi các tì tướng phảiluyện tập võ nghệ, học tập cuốn *Binh thư yếu lược,* chuẩn bị cho việc đánh giặc, giữ nước 2. Nhận xét về cách đưa ra các lí lẽ của tác giả?   **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  + *Học sinh*: suy nghĩ trả lời.  + *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  +  Học sinh đứng tại chỗ trả lời  + Giáo viên: hướng dẫn, nghe Hs trình bày.  **- Bước 4: Kết luận, nhận định:**  + Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  =>Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng. | **1. Những gương trung thần nghĩa sĩ trong sử sách:**  - Có 8 cặp nhân vật với những mối quan hệ khác nhau: vua-tôi, chủ tướng- tì tướng,… những người bể tôi luôn hết lòng với vua/ chủ của mình (trong xã hội phong kiến) để chống lại kẻ thù phi nghĩa là giá trị đạo đức được đời đời tôn vinh.  =>Đây chính là cơ sở, căn cứ cho lập luận của toàn VB.  **2. Các hiện tượng trong thực tế mà Trần Quốc Tuấn nhắc đến**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhóm các hiện tượng trong thực tế và các biểu hiện cụ thể** | | **Cảm xúc chủ đạo được khơi gợi trong lòng các tì tướng** | | **Những tội ác của giặc** | -Sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường  -chửi mắng triều đình, quan lại  - | Căm thù giặc | | **Những tình cảm, suy nghĩ, hành động của chủ tướng** | -không ăn, không ngủ  -  - | Muốn báo đáp công ơn của chủ tướng khi chủ tướng cần đến mình | | **Những việc làm của các tì tướng** | -nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn  -  - | Hổ thẹn, muốn sửa chữa những điểu bản thân chưa làm đúng |  * Cách diễn đạt của tác giả * Cách dùng từ ngữ *(chẳng những... mà còn:* tăng cấp; *nên... nên...:* đậm chất khuyên nhủ, ân tình;...).   -Cách dùng câu có hình thức hỏi nhưngđể khẳng định.  - Cách ngắt nhịp câu văn khi dồn dập, thôi thúc, lúc chậm rãi như tỉ tê tâm sự.  - Cách diễn đạt giàu hình ảnh.  => Khiến lời hịch có sức tác động lớn đến nhận thức và tình cám của các tì tướng  **3, Nhiệm vụ cụ thể, cấp bách**   * Nay ta chọn binh pháp các nhà họp làm một quyển gọi là *Binh thư yếu lược(r>.*Nếu các ngươi biết chuyên tâm sách này, theo lời dạy bảo của ta, tlù mới phải đạo thần chủ; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.   + Các lí lẽ chính:   * Các tì tướng luôn phải cẩn trọng, không để ‘'mất bò mới lo làm chuồng” . * Các tì tướng nếu chăm rèn tập vỗ nghệ, học tập binh thư thì có thể trở thành người tài giỏi, đánh bại kẻ thù, đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mọi người, trong đó có chính bẳn thần các tì tướng   - Các tì tướng chỉ có một lựa chọn là chăm rèn tập võ nghệ, học tập binh thư, nếu không sẽ là kẻ thù của chủ tướng.  => Các lí lẽ đưa ra có tính thuyết phục cao, gợi gợi được quyết tâm tập luyện võ nghệ, học tập Binh thư yếu lược chuẩn bị cho việc đánh giặc giữ nước. |
| **III. Tổng kết** | |
| **a,Mục đích**: HS nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB .  **b) Nội dung:** Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ  **c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HS** làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.  ***Chuyển giao nhiệm vụ:***   * Đặc sắc nghệ thuật của văn bản? * Nội dung chính của văn bản?   d, ***Thực hiện nhiệm vụ:*** GV hỗ trợ, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  ***Báo cáo***: GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***: GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  *-*Lập luận chặt chẽ, lĩ lẽ rõ ràng, giàu hình ảnh, có sức thuyết phục cao  -Kết hợp hài hoà giữa yếu tố chính luận và văn chương.  -Lời văn giàu hình ảnh nhạc điệu  **2. Nội dung**  Phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn, quyết tâm đánh giặc cứu nước của Trần Quốc Tuấn và dân tộc ta |
| **HOẠT ĐỘNG 3: VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC**  ***a,Mục tiêu:*** huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm đã được hình thành để trình bày củng cố lại kiến thức liên quan nội dung bài học.  **b,Nội dung***:* Hs viết đoạn văn  **c,Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.  **d,Tổ chức thực hiện**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) về một truyền thống đáng tự hào của dân tộc Việt Nam.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  -HS lựa chọn chủ đề để viết( truyền thống yêu nước, TT tự hào dân tộc, TT đoàn kết…)  -HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét…  **B4: Kết luận, nhận định (**GV)  - Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).  - Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu. | |

**GIÁO ÁN MIỄN PHÍ 2023**

**BÀI 3: LỜI CỦA SÔNG NÚI**

**Tiết: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**ĐOẠN VĂN DIỄN DỊCH VÀ ĐOẠN VĂN QUY NẠP**

**IMục tiêu:**

1. **Về kiến thức**

-Nhận biết được đặc điểm và chức năng của kiểu tổ chức đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.

- Xác định được câu chủ đề trong đoạn văn.

- Viết được đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.

**2.Về năng lực**

a. Năng lực chung

- Hình thành năng lực làm việc nhóm, năng lực gợi mở,…

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực nhận biết, phân tích đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ:tạo lập đoạn văn.

**3. Về phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, máy chiếu, phần mềm Padlel

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1:Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu

Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung:

GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề*.*

c) Sản phẩm:Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chứcthực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ:  Cho đoạn văn sau:  Một chiếc lá rụng có linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng. Có chiếc tựa như mũi tên nhọn, từ cành cây rơi cắm phập xuống đất như cho xong chuyện, cho xong một đời lạnh lùng thản nhiên, không thương tiếc, không do dự vẩn vơ. Có chiếc lá như con chim bị lảo đảo mấy vòng trên không rồi cố gượng ngoi đầu lên, hay giữ thăng bằng cho tận tới cái giây nằm phơi trên mặt đất. Có chiếc lá nhẹ nhàng khoan khoái đùa bỡn, hay múa may với làn gió thoảng như thầm bảo rằng vẻ đẹp của vạn vật chỉ ở hiện tại: cả thời quá khứ dài dằng dặc của chiếc lá trên cành cây không bằng một vài giây bay lượn, nếu sự bay lượn ấy có vẻ đẹp nên thơ. Có chiếc lá như sợ hãi, ngần ngại rụt rè, rồi như gần tới mặt đất, còn cất mình muốn bay trở lại cành. Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến mơn trớn một ngọn cỏ xanh mềm mại.  **(Khái Hưng)**  - Xác định câu chủ đề của đoạn văn trên?  - Câu chủ đề ở vị trí đó có tác dụng gì trong việc triển khai nội dung đoạn văn?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận**  - GV mời 2 - 3 HS trả lời.  - Các HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  - GV nhận xét, khen ngợi các HS đã làm đúng, nhắc nhở HS làm chưa đúng.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Mỗi đoạn văn đều có cách sắp xếp, tổ chức ý, triển khai nội dung khác nhau. Việc phân biệt các kiểu đoạn văn này liên quan đến câu chủ đề, tức là câu thể hiện nội dung bao quát nội dung của đoạn văn. Hôm nay, chúng ta cùng nhau tìm hiểu về đoạn văn diễn dịch và đoạn văn quy nạp! | ***\_Câu chủ đề:***  Một chiếc lá rụng có linh hồn riêng, một tâm tình riêng, một cảm giác riêng  -Vị trí: Nằm đầu đoạn văn  -Tác dụng: Mang nội dung khái quát của đoạn văn ,là cơ sở để xác định cấu trúc đoạn văn.  ; |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRI THỨC TIẾNG VIỆT** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Nắm vững tri thức về đặc điểm nhận diện đoạn văn Diễn dịch và quy nạp  -Tác dụng của từng kiểu tổ chức trong trình bày nội dung  **Nội dung: HS** Vận dụng việc chuẩn bị ở nhà.GV sử dụng kỹ thuật mô hình lớp học đảo ngược, Kỹ thuật vấn đáp  **Sản phẩm** : Phiếu HT của HS: Tri thức TV  **Tổ chức thực hiện** : (10 phút ) | |
| **Tổ chứcthực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS chia sẽ cá nhân ( 1phút)  (?) Nêu hiểu biết của em về đoạn văn ?  HS thực hiện thảo luận nhóm dãy bàn ,  Dãy lẽ làm PHT số 1.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ1** | | | | ĐV diễn dịch | Câu chủ đề | Cách triển khai | | *Đặc điểm* |  |  | | *Chức năng* |  |  |   Dãy bàn chẵn làm PHT Số 2,   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | | | ĐV Quy nạp | Câu chủ đề | Cách triển khai | | *Đặc điểm* |  |  | | *Chức năng* |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK, dựa phần chuẩn bị ở nhà để hoàn thành PHT số 1 và số 2  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  GV: Gọi đại diện HS trả lời  HS:  - Đại diện trả lời câu hỏi  - Các HS còn lại quan sát, lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Chốt kiến thức và chuyển sang phần thực hành bài tập.  \* Cả 2 cách triển khai Diễn dịch và quy nạp đều có tác dụng làm nổi bật chủ đề của đoạn văn và rất phf hợp để viết các đoạn văn nghị luận. | Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn bản, biểu đạt nội dung tương đối trọn vẹn. Về hình thức, đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | | ĐV diễn dịch | Câu chủ đề | Cách triển khai | | *Đặc điểm* | *Nằm ở vị trí đầu đoạn văn mang ý nghĩa khái quát* | *Các câu còn lai trong đoạn triển khai ý cu thể cho câu chủ đề.bổ sung làm rõ cho câu chủ đề.* | | *Chức năng* | Định hướng triển khai nội dung cho toàn đoạn | *giảithích,chứng minh, phân tích, bình luận, có thể kèm theo nhận xét, đánh giá và bộc lộ cảm nhận của người viết* |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** | | | | *ĐV Quy nạp* | *Câu chủ đề* | *Cách triển khai* | | *Đặc điểm* | *câu chủ đề nằm ở vị trí cuối đoạn*  *không làm nhiệm vụ định hướng nội dung triển khai cho toàn đoạn* | *Trình bày đi từ các ý nhỏ đến ý lớn, từ các ý chi tiết đến ý khái quát, từ ý luận cứ cụ thể đến ý kết luận bao trùm.* | | *Chức năng* | *nhiệm vụ khép lại nộidung,kết luận cho đoạn văn.* | *Các câu trên được trình bày bằng các phương pháp như giải thích, lập luận, cảm nhận và rút ra quan điểm cá nhân.* | |

|  |  |
| --- | --- |
| **LUYỆN TẬP THỰC HÀNH** | |
| **Mục tiêu:**  Giúp HS biết vận dụng kiến thức về đoạn văn diễn dịch và quy nạp vào việc đọc hiểu ,nhận biết và vận dụng tạo lập văn bản .  **Nội dung**:Nhóm cặp đôi,hoạt động cá nhân  Sản phẩm: Kết quả PHT của HS  Tổ chức thực hiện: (20) phút | |
| **Tổ chứcthực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **BÀI TẬP 1**  **Hoạt động cá nhân**  Đánh xố thành viên: Số chẵn làm BT 1a,số lẻ làm BT 1b  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  -HS thực hiện làm BT trong 5 phút  -GV hỗ trợ kèm HS yếu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -Hoán đổi sản phẩm cá nhân  - GV cử 1 số bạn nhận xét bài của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  -GV KL: Dựa vào vị trí câu chủ đề để xác định cấu trúc đoạn văn  **BÀI TẬP 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Hãy sắp xếp các câu sau thành đoạn văn diễn dịch, sau đó sắp xếp lại thành đoạn văn quy nạp và cho biết dựa vào cơ sở nào, em sắp xếp như vậy.  (1) Một cô Tấm (trong truyện “Tấm Cám”) bao lần bị hại, cuối cùng vẫn được làm hoàng hậu, nhưng mụ dì ghẻ và Cám – những kẻ lắm mưu mô tàn ác thì bị trừng phạt đích đáng.  (2) Một Thạch Sanh (truyện “Thạch Sanh”) chất phác, thật bụng tin người, dẫu trải qua bao khổ nạn, oan khuất rồi đến lúc cũng cưới được công chúa và lên ngôi, còn Lý Thông lừa lọc, xảo trá thì trời đất không dung tha.  (3) Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo là ước mơ công bằng được nhân dân gửi gắm vào truyện cổ tích.  (4) Một người em (truyện “Cây khế”) thật thà, hiền lành, bị anh đối xử bất công, ai ngờ cuộc sống về sau lại giàu sang hạnh phúc, trong khi người anh tham lam thì bỏ mạng giữa biển  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  -HS thực hiện làm BT trong 8 phút  -GV hỗ trợ kèm HS yếu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  -Hoán đổi sản phẩm cá nhân  - GV cử 1 số bạn nhận xét bài của bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  -GV KL: GV chiếu sản phẩm chốt | **Bài tập 1:**  **a. Câu chủ đề:** Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!  **→ Đoạn văn quy nạp.**  – Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Các câu đầu nêu những tấm gương về các bậc trung nghĩa. Từ đó câu chủ đề ở cuối đoạn văn mới có cơ sở để nhắc nhở binh sĩ về chân lí: những tấm gương trung nghĩa sẽ được sử sách lưu danh, từ đó gián tiếp khơi dậy ý thức trách nhiệm của đấng nam nhi trong xã hội.  **b. Câu chủ đề:** Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường.  **→ Đoạn văn diễn dịch.**  – Tác dụng của cách thức tổ chức đoạn văn: Câu chủ đề được đặt ở đầu đoạn, khẳng định đồng phục không chỉ đẹp mà còn tạo nên bản sắc của mỗi trường. Các câu sau nói rõ nét đặc sắc của mỗi trường thông qua bộ đồng phục.  **Bài tập 2**  **– Đoạn văn diễn dịch: (3) – (1) – (2) – (4**)  Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo là ước mơ công bằng được nhân dân gửi gắm vào truyện cổ tích.Một cô Tấm (trong truyện “Tấm Cám”) bao lần bị hại, cuối cùng vẫn được làm hoàng hậu, nhưng mụ dì ghẻ và Cám – những kẻ lắm mưu mô tàn ác thì bị trừng phạt đích đáng. Một Thạch Sanh (truyện “Thạch Sanh”) chất phác, thật bụng tin người, dẫu trải qua bao khổ nạn, oan khuất rồi đến lúc cũng cưới được công chúa và lên ngôi, còn Lý Thông lừa lọc, xảo trá thì trời đất không dung tha.Một người em (truyện “Cây khế”) thật thà, hiền lành, bị anh đối xử bất công, ai ngờ cuộc sống về sau lại giàu sang hạnh phúc, trong khi người anh tham lam thì bỏ mạng giữa biển  **– Đoạn văn quy nạp: (1) – (2) – (4) – (3)**  Một cô Tấm (trong truyện “Tấm Cám”) bao lần bị hại, cuối cùng vẫn được làm hoàng hậu, nhưng mụ dì ghẻ và Cám – những kẻ lắm mưu mô tàn ác thì bị trừng phạt đích đáng.Một Thạch Sanh (truyện “Thạch Sanh”) chất phác, thật bụng tin người, dẫu trải qua bao khổ nạn, oan khuất rồi đến lúc cũng cưới được công chúa và lên ngôi, còn Lý Thông lừa lọc, xảo trá thì trời đất không dung tha.Một người em (truyện “Cây khế”) thật thà, hiền lành, bị anh đối xử bất công, ai ngờ cuộc sống về sau lại giàu sang hạnh phúc, trong khi người anh tham lam thì bỏ mạng giữa biển.Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo là ước mơ công bằng được nhân dân gửi gắm vào truyện cổ tích  – Cơ sở để sắp xếp: Câu (3) là câu nêu luận điểm, các câu (1), (2), (4) là câu dẫn chứng phục vụ cho việc chứng minh luận điểm ấy. |

**HOẠT ĐỘNG3: Vận dụng**

a) Mục tiêu: HS được củng cố kiến thức trong tri thức TV,vận dụng để tạo lập văn bản

b) Nội dung: HS làm việc các nhân

c) Sản phẩm: Sản phẩm đạt yêu cầu

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Yêu cầu HS vị trí số chẵn viết đoạn văn diễn dịch, số lẻ viết đoạn văn quy nạp**  “Lòng yêu nước ban đầu là lòng yêu những vật tầm thường nhất” (I-li-a Ê-ren-bua). Hãy xem đây là câu chủ đề, từ đó, viết hai đoạn văn khoảng 5-7 câu ( Đoạn văn Diễn dich – Đoạn văn quy nạp)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện viết đoạn văn trong thời gian 8 phút  -GV hỗ trợ HS yếu  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-**HS đổi chéo sản phẩm rà soát theo bảng kiểm để chữa lỗi cho bạn**.**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chiếu bảng kiểm và chốt kiến thức cho HS | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **BẢNG KIỂM VỀ ĐOẠN VĂN**  **(Áp dụng cho ĐV Diễn dịch và Quy nạp )** | | | | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu. |  |  | | Nội dung đúng chủ đề: |  |  | | Vị trí câu chủ đề |  |  | | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  | | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  | |

**Hoạt động 4: Hướng dẫn học ở nhà**

- Hoàn thành các BT vào vở

- Chuẩn bị bài cho tiết sau

**BÀI 3: LỜI SÔNG NÚI**

**VĂN BẢN 2: TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA**

**(Hồ Chí Minh)**

**I. Mục tiêu**

**1. Về kiến thức**

- Hiểu được tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc ta, cảm nhận được tấm lòng của chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân và đất nước.

- Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của văn bản nghị luận.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Biết vận dụng bài học để viết bài văn nghị luận, có sự kết hợp giữa tư duy lô gíc và tư duy hình tượng, giữa lí và tình cảm.

**2. Về năng lực**

- Thu thập thông tin liên quan; trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

- Nhận biết được đặc điểm của văn nghị luận: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng.

- Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3. Về phẩm chất**

- Yêu nước: bồi dưỡng tinh thần yêu nước, tự hào về truyền thống quý báu của dân tộc.

- Nhân ái: có lối sống giản dị, khiêm nhường, biết ơn những anh hùng đã hi sinh cho dân tộc, đồng cảm với nỗi đau của nhân dân ta trong thời kì đất nước bị xâm lăng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh, video có liên quan đến nội dung tiết học

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài,  thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi Nhìn trannh đoán tên anh hùng Việt Nam.

c) Sản phẩm: HS nêu được tên các vị anh hùng xuất hiện trong trò chơi.

d) Tổ chứcthực hiện

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV phổ biến luật chơi: *GV lần lượt chiếu hình ảnh của 7 vị anh hùng dân tộc tiêu biểu khác nhau trên màn hình chiếu. HS sẽ quan sát và nêu tên của nhân vật lịch sử đó. HS nào giơ tay trả lời nhanh và chính xác nhất cho mỗi lượt chiếu sẽ được tuyên dương và cộng điểm.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hào hứng, tích cực tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS giơ tay nêu tên nhân vật lịch sử có trong các hình ảnh:

*+ Hình 1: Ngô Quyền*

*+ Hình 2: Vua Hùng*

*+ Hình 3: Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn)*

*+ Hình 4: Hai Bà Trưng*

*+ Hình 5: Nguyễn Huệ - Quang Trung*

*+ Hình 6: Trần Quốc Tuấn Hưng Đạo Vương*

*+ Hình 7:Hồ Chí Minh*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, khen ngợi tinh thần tham gia trò chơi của cả lớp.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.  - Biết cách đọc và xác định được các luận điểm trong văn bản nghị luận.  **Nội dung**  - GV yêu cầu HS báo cáo dự án tìm hiểu về tác giả Hồ Chí Minh và văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta. | |
| **Tổ chứcthực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS thảo luận, báo cáo dự án tìm hiều những nét chính về tác giả Hồ Chí Minh và văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc nhóm 2 bàn, thảo luận và thống nhất trình bày dự án.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trình bày dự án.  - HS khác chú ý theo dõi, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS  - GV chốt kiến thức  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hướng dẫn HS cách đọc: to, rõ ràng, thể hiện được tinh thần của văn bản chính luận đanh thép, khẳng định tinh thần yêu nước mãnh liệt của dân tộc VN.  - GV yêu cầu HS tìm hiểu văn bản về: xuất xứ, thể loại, vấn đề nghị luận, bố cục của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân đọc thầm văn bản.  - HS làm việc nhóm đôi, suy nghĩ trao đổi, thống nhất câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS đọc văn bản  - Đại diện HS trả lời câu hỏi  - HS khác chú ý theo dõi, lắng nghe, nhận xét phần trình bày của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS  - GV chốt kiến thức | **1. Tác giả**  - Hồ Chí Minh (1890-1969)  - Quê quán: Nam Đàn- Nghệ An  - Là nhà cách mạng, lãnh tụ của Việt Nam, nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa lớn.  - Người đã để lại một di sản văn học vô cùng phong phú, gồm văn chính luận, kí, thơ ca,…  - Tác phẩm chính: Về văn chính luận, phải kể đến một số áng văn nổi tiếng như *Tuyên ngôn độc lập* (1945), *Lời kêu gọi toàn quốc khángchiến* (1946), *Không có gì quý hơn độc lập tự do* (1966),…  **2. Tác phẩm**  a. Đọc, tìm hiểu chú thích  - Đọc  - Chú thích  b. Tìm hiểu chung về văn bản  - Xuất xứ: Văn bản trích trong *“Báo cáo chính trị”* của Chủ tịch HCM tại Đại hội lần thứ II, tháng 2/ 1951 của Đảng Lao động Việt Nam.  - Thể loại:Nghị luận xã hội (chứng minh một vấn đề chính trị xã hội).  - Vấn đề nghị luận: Lòng yêu nước của nhân dân ta.  - Bố cục:  + Phần 1 (Đoạn 1): Đặt vấn đề - nêu ý kiến khái quát, khẳng định dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước và nêu lên giá trị to lớn của lòng yêu nước ấy.  + Phần 2 (Đoạn 2,3): Giải quyết vấn đề - chứng minh, làm sáng tỏ qua các lí lẽ và dẫn chứng (chủ yếu là lấy dẫn chứng thực tế trong lịch sử dân tộc).  + Phần 3 (Đoạn 4): Kết thúc vấn đề - giá trị của lòng yêu nước và trách nhiệm của mỗi người dân. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Nắm được mục đích, nội dung của văn bản nghị luận qua việc tìm hiểu theo bố cục 3 phần của văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  - Chỉ rõ những luận điểm, luận cứ và bằng chứng được tác giả sử dụng trong văn bản. Thấy được nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng và nội dung của văn bản.  **Nội dung:**  - GV gợi dẫn để HS thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. | |
| **Tổ chứcthực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV đặt câu hỏi:  1. Em hãy chỉ ra câu văn khái quát nội dung vấn đề nghị luận?  2. Tác giả đã nêu nhận định chung về lòng yêu nước như thế nào? Nhận định chung đó có tác dụng gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc nhóm bàn, suy nghĩ, thảo luận thống nhất câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trình bày câu trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả làm việc của HS  - GV chốt kiến thức | **1. Đặt vấn đề**  - Câu văn khái quát nội dung vấn đề nghị luận: *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước*  🡪 Ý kiến, quan điểm, nội dung trọng tâm mà bài nghị luận sẽ làm sáng tỏ.  - Nhận định chung về lòng yêu nước:  + Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, chân thành và luôn sục sôi.  + Tinh thần yêu nước ấy kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn... nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.  🡪 Gợi sức mạnh và khí thế mạnh mẽ của lòng yêu nước. |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV đặt câu hỏi:  1. Việc liệt kê tên các nhân vật lịch sử có tác dụng gì?  2. Các bằng chứng được sắp xếp theo trình tự nào?  3. Mô hình liệt kê theo mẫu câu: “Từ...đến...” đã giúp tác giả thể hiện được điều gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc nhóm 2 bàn, suy nghĩ, thảo luận thống nhất câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trình bày câu trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả làm việc của HS  - GV chốt kiến thức | **2. Giải quyết vấn đề**  - Việc liệt kê tên các nhân vật lịch sử có tác dụng chứng minh cho tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong quá khứ.  - Các dẫn chứng được sắp xếp theo:  + Trình tự thời gian: *từ xưa đến nay.*  + Lứa tuổi: *từ cụ già đến các cháu nhi đồng, từ những phụ nữ đến các bà mẹ,...*  + Vùng miền: *từ miền ngược đến miền xuôi, từ đồng bào trong nước đến kiều bào nước ngoài, từ tiền tuyến đến hậu phương,...*  🡪 Mô hình liệt kê theo mẫu“Từ...đến...”  đã giúp tác giả thể hiện được sự đầy đủ, toàn diện, rộng khắp,... về các biểu hiện cho tình yêu nước của nhân dân ta |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV đặt câu hỏi:  1. Trong phần 3, tác giả khẳng định điều gì?  2. Từ đó, tác giả đã chỉ ra những nhiệm vụ nào của chúng ta?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS trình bày câu trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả làm việc của HS  - GV chốt kiến thức | **3. Kết thúc vấn đề**  *- Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý.*  => Hình ảnh so sánh độc đáo dễ hiểu nhằm đề cao tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  - Lòng yêu nước được tồn tại dưới 2 dạng:  + Có khi được trưng bày.  + Có khi được cất giấu kín đáo.  - Phải ra sức giải thích tuyên truyền, vận động, tổ chức, lãnh đạo,...=> Nhằm khích lệ tiềm năng yêu nước của mọi người. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tâp của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm

**Câu 1: Văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta được sáng tác trong hoàn cảnh nào?**

A. Trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh

B. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp

C. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ

D. Trong cuộc chiến tranh Biên giới Việt – Trung

**Câu 2: Biện pháp nghệ thuật đặc sắc được tác giả sử dụng trong văn bản là gì?**

A. Ẩn dụ, so sánh

B. So sánh, liệt kê

C. Điệp ngữ, so sánh

D. Nhân hóa, liệt kê

**Câu 3: Đối tượng nào không xuất hiện trong văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta?**

A. Nông dân

B. Công nhân

C. Công chức

D. Tư sản

**Câu 4: Văn bản đề cập đến tinh thần yêu nước của nhân dân ta trrong lĩnh vực nào?**

A. Việc xây dựng đất nước

B. Công cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược

C. Gìn giữ sự giàu đẹp của Tiếng Việt

D. Tất cả các phương án trên

**Câu 5: Để chứng minh làm rõ tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngày nay, tác giả đã nêu những biểu hiện của lòng yêu nước. Đó là những biểu hiện nào?**

A. Tất cả mọi người đều có lòng yêu nước

B. Từ tiền tuyến đến hậu phương đều có hành động yêu nước

C. Mọi nghề nghiệp, tầng lớp, lứa tuổi, đều thi đua yêu nước

D. Tất cả các phương án trên

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, lí giải và trao quà động viên HS trả lời đúng.

**HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức đã học, nêu được cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.

b) Nội dung: GV đặt câu hỏi, HS trả lời

c) Sản phẩm: Cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (lựa chọn vấn đề nghị luận, bố cục bài văn, cách nêu ý kiến, lựa chọn bằng chứng…)

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

Thông qua việc tìm hiểu văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta, em hãy nêu cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội (lựa chọn vấn đề nghị luận, bố cục bài văn, cách nêu ý kiến, lựa chọn bằng chứng…)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc nhóm tổ, thảo luận thống nhất câu trả lời và trình bày

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận

- HS khác nhận xét, bổ sung

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

-GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả làm việc của HS

- GV chốt kiến thức

Cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội

+ Lựa chọn vấn đề: những vấn đề xã hội gần gũi, có ảnh hưởng đến tình cảm, nhận thức của con người.

+ Bố cục: đảm bảo bố cục 3 phần, MB, TB, KB

+ Nêu ý kiến: Đưa ra những ý kiến, quan điểm đúng đắn, lí giải bằng các lí lẽ thuyết phục, lập luận chặt chẽ.

+ Lựa chọn bằng chứng: lựa chọn những bằng chứng tiêu biểu, xác thực,…

**Ngày dạy: ....../...../......**

**TIẾT ... : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**ĐOẠN VĂN SONG SONG VÀ ĐOẠN VĂN PHỐI HỢP**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nắm được đặc điểm của đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp; biết cách nhận diện hai kiểu đoạn văn đó trong văn bản, hiểu được tác dụng của từng kiểu tổ chức đoạn văn đối với việc thể hiện nội dung và lập luận. Họa sinh biết cách viết đoạn song song và phối hợp theo yêu cầu cụ thể.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực nhận diện và phân tích viết đoạn song song và phối hợp theo yêu cầu cụ thể.

**3. Phẩm chất**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. Tiến trình dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Hoạt động 1: Khởi động**  **GV** chiếu 2 đoạn văn lên bảng  Em hãy nhận dạng xem các đoạn văn sau thuộc kiểu tổ chức đoạn văn nào?  \*Đoạn 1:  Ông đồ là một tác phẩm chứa đựng nỗi niềm hoài cổ về một lớp người đã đi vào dĩ vãng. Bởi vào thời điểm đó, Hán học đã suy tàn, văn hóa phương Tây tràn đến dưới sự thống trị của ngoại bang dần dần xâm lấn văn hóa đương thời. Những lớp người xưa cũ như ông đồ trở thành một người thừa của xã hội ấy, không ai quan tâm, chẳng ai hay biết. Người ta nhắc tới ông đồ chỉ như nhắc tới một quá khứ xa xôi, khi mà Nho học còn được trọng vọng với một sự hoài niệm đầy xót xa. -> Diễn dịch  \*Đoạn 2: Mỗi ngày thức dậy bạn cảm thấy yêu đời hơn. Mỗi ngày thức dậy bạn tìm cho mình một nguồn cảm hứng để làm việc. Mỗi ngày, chúng ta tận hưởng những thú vui khác nhau để cuộc sống này trọn vẹn hơn. Chúng ta không biết được ngày mai ra sao. Chúng ta cũng ta cũng không biết được những chuyện gì sẽ xảy đến**. Chính vì thế, chúng ta hãy sống thật trọn vẹn để không phải hối tiếc về những điều đã xảy ra.-> Quy nạp**  **Hoạt động 2: Củng cố kiến thức**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 68  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Hoạt động 3: Luyện Tập – vận dụng**  **Bài 1: Xác định kiểu đoạn văn của những trường hợp sau. Phân tích tác dụng của từng cách thức tổ chức đoạn văn.**  a. *Nay ta chọn binh pháp các nhà hợp làm một quyển gọi là “Binh thư yếu lược”. Nếu các ngươi biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta, thì mới phải đạo thần chủ; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.*  (Trần Quốc Tuấn, *Hịch tướng sĩ)*  b. *Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dàn miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xưng phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiên sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhàn và nông dân thi đua táng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ,... Những cử chỉ cao quý dó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.*  (Hồ Chí Minh, *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta)*  ***Bài 2:* Đoạn văn sau được tổ chức tneo kiểu nào? Chủ đề của đoạn văn là gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?**  *Không gian yên tĩnh bông bừng lên những âm thanh của dàn hoà tấu, bởi bốn nhạc khúc lưu thuỷ, kim tiền, xuân phong, long hổ du dương trầm bổng, réo rắt mở đầu đêm ca Huế. Nhạc công dùng các ngón đàn trau chuốt như ngón nhấn, mổ, vỗ, vả, ngón bấm, day, chớp, búng, ngón phi, ngón rãi. Tiếng đàn lúc khoan lúc nhặt làm nên tiết tấu xao động tận đáy hồn người.*  (Hà Ánh Minh, *Ca Huế trên sông Hương*  **Bài 3: Hãy viết một đoạn văn song song và một đoạn văn phối họp (mỗi đoạn khoảng 7-9 câu) theo chủ đề tự chọn** | 1. **Củng cố kiến thức**   **Đoạn văn song song (Không có câu chủ đề)**  Đoạn văn song song là đoạn văn triển khai nội dung song song giữa các câu, không nội dung nào khái quát, bao trùm lên nội dung nào. Mỗi câu trong đoạn văn đều nêu lên một khía cạnh riêng biệt, không câu nào khái quát câu nào, là một mắt xích quan trọng để làm rõ lên nội dung đoạn văn.  Ví dụ:  Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn, thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hoá xã hội  (Trích Tuyên bố của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em)  Đoạn văn có ba câu mỗi câu nếu một điều cần làm để đáp ứng quyền lợi của trẻ em Mặc dù không có câu chủ đề nhưng tất cả các câu trong đoạn cùng thể hiện một chủ để trách nhiệm.  -Đoạn văn song song tuy không có câu chủ đề, nhưng nội dung của cả đoạn vẫn thống nhất. Kiểu đoạn văn song song rất phù hợp với việc trình bày các thông tin khách quan, không hàm chứa sự đánh giá chủ quan của người viết. Kết luận thế nào là do người đọc tự suy nghĩ và rút ra.  - Đoạn văn phối hợp có cấu trúc rất chặt theo kiểu tổng hợp - phân tích - tổng hợp. Câu đầu và câu cuối đoạn đều là câu chủ đề. Kiểu đoạn văn này rất phù hợp với việc khẳng định chắc chắn điều má người viết cho là chân lí.   1. **Luyện tập – vận dụng**   **Bài 1:**  *Gợi ý*  Đoạn a chỉ có hai cầu, mỗi cầu đề cập đến một nội dung cụ thể, nhưng đểu hướng tới một ý chung: các tì tướng hãy học tập *Binh thư yếu lược.* Đây là đoạn văn song song. Kiểu tổ chức đoạn văn này đòi hỏi người đọc tự suy nghĩ, rút ra chủ để ngầm ẩn thể hiện trong quan hệ về nội dung của các câu.  Đoạn b có 5 câu. Câu đầu nêu chủ để *(Đổng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước):* mọi người Việt Nam đểu có lòng yêu nước nồng nàn. Ba cầu tiếp theo nêu hành động yêu nước của các đối tượng cụ thể. Câu cuối rút ra điểm chung của các đối tượng vừa nêu, khẳng định lại lẩn nữa tinh thần yêu nước của mọi tầng lớp nhân dần. Vậy, đây là đoạn văn phối hợp. Đoạn văn được tổ chức như thế này giúp người đọc dễ dàng nhận biết và nắm vững ý chính của đoạn.  **Bài 2:**  *Gợi ý:*  Đoạn văn có 3 câu. Câu 1 nói vẽ tên các khúc nhạc mở đầu đêm ca Huế. Câu 2 đề cập đến các ngón nghề (kĩ xảo chơi đàn) của nhạc công. Câu 3 nói về âm vang, sự lay động của tiếng đàn đối với người nghe. Như vậy, đây là đoạn văn song song vì không có câu chủ đề, nhưng dựa vào nội dung của các câu, có thể khái quát chủ đề của đoạn: *cách mở đầu đêm ca Huế trên sông Hương.*   * **Bài 3:** Xác định đề tài (mỗi đoạn nên chọn một đề tài để viết). Ví dụ: tình bạn, tình thầy trò, ý nghĩa của việc đọc sách, tôn trọng người khác, trách nhiệm với cộng đồng, ý thức bảo vệ môi trường,... * Bám vào đặc điểm của từng kiểu đoạn văn để viết (xem lại các ví dụ trong SGK để rèn luyện theo mẫu).   Đọc lại đoạn văn vừa viết, đối chiếu với yêu cầu của bài tập để chỉnh sửa. |

***\*Củng cố- HDVN:***

*- Ôn tập và hoàn thành các BT*

**Phiếu học tập số 1: Đoạn văn song song và đoạn văn phối hợp**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đoạn văn** | **Công dụng** |
| **Đoạn văn song** |  |
| **Đoạn văn phối hợp** |  |

**Phiếu học tập số 2: Bài 1 -Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| Xác định kiểu đoạn văn và Phân tích tác dụng của từng cách thức tổ chức đoạn văn. | **Đoạn a** |
| **Đoạn b** |

**Phiếu học tập số 3: Bài 2 -Luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| Đoạn văn sau được tổ chức tneo kiểu nào? Chủ đề của đoạn văn là gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó? | **Đoạn văn** |
|  |

**Bài 3: LỜI SÔNG NÚI**

**Văn bản 3:NAM QUỐC SƠN HÀ**

**( SÔNG NÚI NƯỚC NAM)**

**I. Mục tiêu bài học**

**1. Kiến thức**

+ Cảm nhận được tinh thần độc lập khí phách hào hùng, khát vọng lớn lao của dân tộc trong bài thơ.

+ Bước đầu hiểu đặc điểm thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

**2. Năng lực**

- Đọc, tìm hiểu các thể thơ Đường luật.

**3. Phẩm chất**

- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc, ý thức học tập tốt để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**II. Thiết bị và học liệu**

**\* Giáo viên**

- Soạn bài, SGK, SGV,Tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng, các tài liêu: kiến thức cơ bản và bài tập nâng cao.

**\* Học sinh**

- Chuẩn bị bài,tư liệu liên quan đến bài học,xem trước bài.

**III. Tiến trình tổ chức dạy học**

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài,  thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: Xem Video và chia sẻ cảm xúc

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

- HS quan sát video và chia sẻ cảm xúc của mình

- HS chia sẻ

- GV gợi dẫn vào bài:

Từ ngày xưa, dân tộc VN đã đứng lên chống giặc ngoại xâm rất oanh liệt kiên cường. Tự hào thay ông cha ta đã đưa đất nước bước sang 1 trang sử mới: Đó là thoát khỏi ách đô hộ ngàn năm PK phương Bắc, một kỉ nguyên mới mở ra. Bài Sông núi nước Nam thể hiện rõ điều đó

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.  **- Có kĩ năng đọc văn bản có phần phiên âm chữ Hán**  **Nội dung: Dựa vào nội dung trong SGK và hiểu biết để có thông tin cơ bản** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Gv sử dụng một băng ghi âm có sẵn đọc bài thơ để HS nghe và đọc.  - Đọc mục “*Sau khi đọc*” và trình bày những nét chính về tác giả bài thơ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào thông tin SGK và thu thập thông tin đã chuẩn bị ở nhà để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời nhanh.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2.  - giới thiệu thêm về thể thơ  - Số câu : 4 câu  - Số chữ trong câu: 7 chữ / 1 câu  - Cách hiệp vần:  + Vần chân: Câu 1,2,4 (hoặc câu 2,4) hiệp vần với nhau ở chữ cuối. VD: C1 - cư ; C2 : thư ; C4: hư  + Vần liền: cuối câu 1,2: cư – thư  + Vần cách: chữ cuối câu 2,4: thư – hư.  + Bài gieo vần trắc (tính từ tiếng thứ 2 trong câu thứ nhất) | **1. Tác giả:** Chưa rõ.  **2. Tác phẩm**  a. Đọc và tìm hiểu chú thích  b. Tìm hiểu chung về văn bản  - Hoàn cảnh sáng tác: Có nhiều ghi chép khác nhau về sự xuất hiện của bài thơ:  + Theo Lĩnh Nam chích quái: Bài thơ được một vị thần ngâm đọc khiến quân Tống hoảng sợ giúp Lê Đại Hành đánh bại quân xâm lược năm 981  + Theo Đại Việt sử kí toàn thư: Khi Lí Thường Kiệt chặn đánh quân Tống bên sông Như Nguyệt năm 1076, bài thơ đã vang lên trong đến thờ thần sông là Trương Tướng quân. Sau đó quân Tống thảm hại.  - Thể loại: Thất ngôn tứ tuyệt  - Bố cục:  2 phần :  - Hai câu đầu: Khẳng định chủ quyền dân tộc.  - Hai câu cuối: Nêu ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN** | |
| **Mục tiêu: Giúp HS**  - Thấy được lòng yêu nước của cha ông ta trong quá khứ   - HS có ý thức làm việc độc lập và hợp tác.  **Nội dung:**  - GV gợi dẫn để HS thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - HS đọc hai câu thơ đầu  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trong 10 phút thực hiện nhiệm vụ sau (có thể tổ chức cho HS thi với nhau, nhóm nào nhanh hơn)  - Nhóm 1,2: Tìm hiểu câu 1  1. Em có nhận xét gì về giọng điệu của hai câu thơ đầu?  2. Em hiểu như thế nào về chữ “quốc, Đế, cư”, tại sao bản dịch ghi là “ngự”?  3. Từ đó câu thơ đã khẳng định điều gì?  - Nhóm 3,4: Tìm hiểu câu 2  4. Em hiểu “thiên thư” là gì? Nhận xét về âm điệu đặc biệt của lời thơ này? Tác dụng?  5. Chân lí về chủ quyền đất nước Việt Nam đã được ghi ở sách trời điều đó có ý nghĩa gì?  6. Câu thơ thứ hai khẳng định rõ điều gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm thảo luận và hoàn thiện vào trong phiếu HT.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của một số cặp tiêu biểu, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Chuẩn kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2. | **1. Hai câu đầu:**  - Giọng thơ: Hùng hồn, rắn chắc, trang trọng và đầy tự hào  \* Câu 1: Nam quốc: nước Nam  ->Vùng sông núi phía Nam là một nước chứ không phải một quận huyện của Trung Hoa-> Khẳng định ý thức độc lập chủ quyền của một dân tộc.  - Đế: chữ quan trọng nhất -> Chứng tỏ nước Nam là có vua, có chủ, có quốc chủ. Đế còn có nghĩa đại diện cho nhân dân. Nam đế là vua đại diện cho nhân dân nước Nam.  - Nam đế cư: Nơi ở của vua nước Nam, xử lí mọi công việc của nước Nam là vua nước Nam. Nơi thuộc chủ quyền của người Việt vì vua gắn với nước.  => Ý thức độc lập, tự cường; bình đẳng, ngang hàng với các hoàng đế Trung Hoa.  \* Câu 2:  - Âm điệu: Hùng hồn, rắn rỏi diễn tả sự vững vàng của tư tưởng và niềm tin sắt đá vào chân lí.  - Khẳng định ranh giới nước Nam đã được phân định rõ ràng hợp với đạo trời - đất, thuận với lòng người. Tạo hoá đã định sẵn nước Việt Nam của người Việt Nam.  => Khẳng định nước Nam là một nước có độc lập, có chủ quyền, có lãnh thổ riêng. Đó là một sự thật hiển nhiên, không thể thay đổi. |
| **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhiệm vụ a):**  - GV cho HS đọc thầm hai câu sau, tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi  **Nhiệm vụ b):**  - GV tổ chức cho HS làm việc nhóm theo cặp bàn để trả lời câu hỏi cho mục b):  Câu 1: Em có nhận xét gì về giọng điệu của hai câu thơ cuối?  Câu 2: Cách dùng từ “ nghịc lỗ”ở câu 3 có ý nghĩa gì? Câu hỏi nhưng có phải để hỏi k? Mục đích?  Câu 3: Theo em câu cuối cảnh báo điều gì đối với quân xâm lược? Do đâu em khẳng định như vậy?  Câu 4. Thái độ tư tưởng của người viết thể hiện như thế nào ở hai câu cuối?  Câu 5: Bài thơ là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta. Em hiểu thế nào là bản tuyên ngôn độc lập?  - GV yêu cầu HS thực hiện vào trong ***Phiếu học tập***, rồi trình bày.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**.  - HS thực hiện nhiệm vụ theo phân công.  - GV quan sát, khích lệ và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS lên trình bày.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - HS nhận xét, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV nhận xét thái độ trong quá trình làm việc và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS, chốt ý.  - GV bổ sung. | **2. Hai câu sau**  - Giọng điệu: Vừa thách thức vừa quả quyết  \* Câu 3:  + Là câu hỏi, hướng về bọn giặc ngông cuồng.  + Là lời cảnh báo về hành động xâm lược liều lĩnh, phi nghĩa, vô đạo lý của phong kiến phương Bắc.  \*Câu 4: Lời cảnh báo hậu quả thê thảm đối với bọn xâm lăng nếu như cố tình xâm phạm đến nước Nam và k/đ sức mạnh vô địch của quân và dân ta  **⇨ Lời thề thiêng liêng, thể**  **hiện rõ quyết tâm đánh đuổi**  **giặc ngoại xâm.** |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. Tổng kết** | |
| **a,Mục đích**: HS nhận biết được nội dung bao quát; lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB .  **b) Nội dung:** Sử dụng sgk và kiến thức đã học thực hiện nhiệm vụ  **c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS làm việc cá nhân:  *1) Tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của bài thơ.*  *2) Khái quát giá trị nội dung, ý nghĩa của bài thơ.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**   * GV chuẩn kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Cảm xúc, thái độ mãnh liệt, sắt đá:  - Bài thơ mang màu sắc chính luận sâu sắc.  - ý thơ được thể hiện trực tiếp, mạch lạc, rõ ràng.  - Giọng thơ hùng hồn, đanh thép, gọn sắc, cô đọng.  **2. Nội dung**  Sông núi nước Nam là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tâp của học sinh qua một số bài tập cụ thể.

b) Nội dung: trò chơi “Ai nhanh hơn”

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của các bài tập

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- HS tham gia trò chơi “ Ai nhanh hơn”

***1. Bài “Sông núi nước Nam” được làm theo thể thơ:***

A. Thất ngôn bát cú.

B. Thất ngôn tứ tuyệt

C. Ngũ ngôn.

D. Song thất lục bát.

***2. Từ “sơn hà” dịch nghĩa là gì?***

A. núi sông

B. sơn thủy

C. giang sơn

D. đất nước

***3. Từ “đế” và từ “vương” khác nhau như thế nào?***

A. Không khác nhau

B. Đế là vua cao nhất, cai quản các vương.

C. Đế là vua phương Bắc, vương là vua phương Nam

D. Vương là vua cao nhất, cai quản các đế.

**4. Văn bản *Sông núi nước Nam* thường được gọi là gì ?**

A. Hồi kèn xung trận.

B. Khúc ca khải hoàn.

C. Bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên.

D. Áng thiên cổ hùng văn.

5. **Nghệ thuật nổi bật của văn bản *Sông núi***

***nước Nam là gì* ?**

A. Ngôn ngữ sáng rõ, cô đọng, hòa trộn ý tưởng và cảm xúc.

B. Dùng nhiều phép tu từ, ngôn ngữ giàu cảm xúc.

C. Dùng nhiều hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng.

D. Dùng phép điệp ngữ và các yếu tố trùng điệp.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tham gia trò chơi

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV định hướng

**HOẠT ĐỘNG 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm đã được hình thành để trình bày củng cố lại kiến thức liên quan nội dung bài học.

b) Nội dung: HS làm việc cá nhân

c) Sản phẩm: Bài của HS

d) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Em hãy kể thêm các bản tuyên ngôn độc lập mà em biết?

Điền các từ chỉ hành động yêu nước của em theo câu mẫu sau đây:

Em yêu nước nên em sẽ…

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

Hs làm bài

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Trình bày sản phẩm

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

GV tổ chức HS nhận xét

**Bài 3: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**(CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC).**

I. MỤC TIÊU

*1. Về kiến thức:*

* HS viết được bài văn có cấu tạo ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài, số lượng yêu cầu đúng quy định.
* Nêu được vấn đề nghị luận
* Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những, lý lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết.
* Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động

*2. Về năng lực:*

- Biết viết bài văn nghị luậncó luận đề, từ luạn đề triển khai thành các luận điểm, mỗi luận điểm thể hiện trong ít nhất một đoạn văn, có lí lẽ và dẫn chứng

*3. Về phẩm chất:*

- Thấy được trách nhiệm của bản than đối với cộng đồng, đất nước là điều cần thiết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HĐ 1: Xác định vấn đề

|  |  |
| --- | --- |
| GIỚI THIỆU KIỂU BÀI | |
| a.Mục tiêu:  - Biết được kiểu bài viếtBÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG  (CON NGƯỜI TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI CỘNG ĐỒNG, ĐẤT NƯỚC).  b.Nội dung:  - HS đọc yêu cầu của kiểu bài, xác định tiêu chí cần phải có trong bài viết  - HS trả lời câu hỏi của GV  c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.  d. Tổ chức thực hiện: | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV giới thiệu bài học  ? Hãy cho biết với kiểu bài viết văn nghị luận thì bố cục bài viết gồm mấy phần? Nhiệm vụ của từng phần là gì?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:  - Nghe / đọc các yêu cầu trong sách giáo khoa tr 71  - Suy nghĩ cá nhân  - HS trả lời câu hỏi.  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  B4: Kết luận, nhận định  Chương trình lớp 7, các em đã thực hiện bài viết trình bày ý kiến tán thành hay phản đối quan điểm về một vấn đề đời sống, biết được bố cục bài văn và nhiệm vụ của từng phần; biết cách xây dựng luận điểm và đưa lí lẽ, dẫn chứng. Ở lớp 8, các em tiếp tục rèn kỹ năng làm bài văn nghị luânj và nâng cao về kỹ năng, nhận thức, đưa ra quan điểm riêng, phù hợp về vấn đề “con người trong mối quan hệ với cộng đồng, xã hội” | HS trình bày các yêu cầu đối với bài văn nghị luận   * Nêu được vấn đề nghị luận * Trình bày rõ ý kiến về vấn đề được bàn; đưa ra được những, lý lẽ thuyết phục, bằng chứng đa dạng để chứng minh ý kiến của người viết. * Nêu được ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động |

HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiết 22: ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO | | |
| a. Mục tiêu:  - Bài viết tham khảo :Hiểu biết về lịch sử.  - Biết yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống, con người trong mối quan hệ với cộng đồng, xã hội.  - Chỉ ra được các phần của bài văn và các câu mang luận điểm (mở, thân, kết bài).  b. Nội dung:  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra  c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của HS.  d. Tổ chức thực hiện: | | |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV hỏi:Vấn đề nghị luận mà bài viết tham khảo đưa ra là gì? Vấn đề đó được thể hiện qua câu từ nào trong bài viết tham khảo?  GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  1. Bốc cục bài văn gồm mấy phần?  2. Mở bài đã nêu vấn đề gì?  3. Thân bài triển khai những vấn đề gì? Mỗi vấn đề được trình bày về mặt hình thức như thế nào?  4. Kết bài đã khẳng định vấn đề gì.  GV yêu cầu: HS đọc bài tham khảo và tìm câu trả lời.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  GV:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  B3: Báo cáo thảo luận  HS:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  B4: Kết luận, nhận định  GV:  - Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | | **Dàn ý bài viết tham khảo**  I/**Mở bài**  **+ Đoạn đầu**  ( Nói đến hiểu biết về lịch sử... cho các thế hệ học sinh)  🡪 Vấn đề nghị luận: Sự cần thiết của hiểu biết về lịch sử  II/**Thân bài**  **+ Đoạn văn thứ 2**  (*Tìm hiểu lịch sử nước nhà …đoạn tăm tối, yêu thương*)  🡪**Ý 1**: Lịch sử giúp ta biết những sự kiện và nhân vật lịch sử ở những thời kỳ khác nhau.  **\* Dẫn chứng**: *biết được nhà nước Văn Lang, Âu Lạc ra đời như thế nào*; *thuở Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung đánh đuổi giặc ngoại xâm…sự kiện lớn lao giữa thế kỷ XX: chiến thắng Điện Biên Phủ,lừng lẫy năm châu và chiến dịch Hồ Chí Minh oanh liệt thu non song về một mối..*  **+ Đoạn văn thứ 3**  (Con người thời đại nào*…không đáng có*)   * **Ý 2** : Hiểu biết về lịch sử giúp ta rút ra bài học của lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm với cộng đồng, là kinh nghiệm được rút ra từ quá khứ để hành động đúng trong cuộc sống hôm nay * **\* Lí lẽ** :   *+ Con người thời đại nào, quốc gia nào cũng cần yêu đất nước, quê hương…*  *+ lòng yêu nước sâu sắc khi con người có ý thức sâu xa về cội nguồn, hiểu biết về quá khứ...*  *+ bài học lịch sử nhắc nhở chúng ta phát huy truyền thống…*  **+ Đoạn văn thứ 4**  (Hiện nay có một thực tế*…điều khó tránh khỏi*)   * **Ý 3** : Thực tế hiện nay có những bạn trẻ không quan tâm tới lịch sử dân tộc gây ra hậu quả * **\* Dẫn chứng** :   *+ ..nhầm lẫn các thời kỳ lịch sử…*  *+ ..lúng túng khi được hỏi về các nhân vật lịch sử nổi bật được đặt tên đường, tên phố...*  *+ …phai nhạt lòng yêu nước…thiếu trách nhiệm với cộng đồng, quốc gia*  **III/ Kết bài**  **Đoạn văn thứ 5,6**  (Đến đây…tất cả chúng ta)  Nhắc lại sự cần thiếtcủa việc hiểu biết  về lịch sửđất nước, khơi gợi thái độ cần có  ở mỗi người và nêu cách thức hành động.   * + **\* Lý lẽ** :   *+ …ta đã biết lịch sử có vai trò như thế nào đối với sự trưởng thành của con người*  *+ …tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu, đến viện bảo tàng ...*  *+ …lời kêu gọi tới các bạn học sinh* |
| **Hoạt động 4: THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | | |
| a. Mục tiêu: Giúp HS  - Biết viết bài văn theo các bước.  -Xác định vấn đề nghị luận, tìm ý, lập dàn ý.  - Tập trung vào những đặc sắc nội dung, nghệ thuật bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.  b. Nội dung:  - GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việctìm ý, xây dựng luận điểm, tìm dẫn chứng; làm rõ mối quan hệ giữa con người với cộng đồng đất nước từ đó góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân với công việc chung  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  c.Sản phẩm: Câu trả lời, bài viết của HS.  d. Tổ chức thực hiện: | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  Lựa chọn các vấn đề nghị luận:   * Học sinh với vấn đề xây dựng trường học thân thiện * Học sinh với vấn đề gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt * Gữ gìn và phát huy giá trị văn hóacủa dân tộc thông qua việc tổ chức một lễ hội được em quan tâm. * Trách nhiệm của con người với nơi mình đang sinh sống   B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Trước khi viết**  **a) Đọc kỹ đề/ lựa chọn vấn đề nghị luận**  **b) Tìm ý**    **c) Lập dàn ý**  - ***Mở bài:***nêu vấn đề nghị luận  - ***Thân bài*:**Lập luận làm sáng rõ và thuyết phục người đọc  + Vì sao lại có ý kiến như vậy? (Lý lẽ, bằng chứng)  + Ý kiến đó đúng đắn như thế nào? (Lý lẽ, bằng chứng)  + Liên hệ mở rộng vấn đề. (Lí lẽ, bằng chứng)  - ***Kết bài*:**Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động  **2. Viết bài**  - Viết bài văn theo dàn ý một bài văn hoàn chỉnh.  **+ Mở bài:** Viết thành một đoạn văn, giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề nghị luận  **+ Thân bài:** Triển khai các ý đã nêu ở dàn ý; mỗi ý viết thành đoạn văn có câu chủ đề; lựa chọn cách xây dựng đoạn văn và phương tiện liên kết các đoạn văn cho phù hợp  **+ Kết bài:** Viết thành một đoạn văn nêu ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động  **3. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài văn theo những yêu cầu trong sách giáo khoa. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VẬN DỤNG**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

*- GV yêu cầu HS viết bài văn 600- 700 chữ trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của con người đối với nơi mình đang sinh sống.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV giao nhiệm vụ

- HS làm việc nhóm

**Bước 3: Báo cáo thảo luận**

- HS trình bày bài dàn ý theo nhóm của mình

- HS nhận xét bài viết.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết: CÁCH MỞ, KẾT BÀI; XÂY DỰNG HỆ THỐNG LUẬN ĐIỂM, LUẬN CỨ

**A/ Mở bài**

Giới thiệu vấn đề nghị luận: chúng ta cần phải trách nhiệm của đối với nơi mình đang sinh sống; cần biết bảo vệ, xây dựng quê hương ngày càng văn minh, phát triển giàu mạnh.

**B/ Thân bài**

**Lập luận làm sáng rõ ý kiến và thuyết phục người đọc**

**+ Vì sao lại có ý kiến như vậy? (Lý lẽ, bằng chứng)**

- Chúng ta không thể sống tách biệt được với cộng đồng, mỗi chúng ta cần phải làm tròn nghĩa vụ bổn phận đối với xã hội, cộng đồng, địa phương nơi ta sinh sống

- Mỗi cá nhân đều chịu sự quản lý của địa phương – nhà nước nơi mình sinh sống trên phương diện pháp luật, văn hóa, y tế - xã hội – giáo dục

-> Sống có trách nhiệm là một chuẩn mực đánh giá nhân cách, sự trưởng thành của con người

- Đây là một nét sống đẹp, là phẩm chất cần có

- Đây là hành động khẳng định giá trị của bản thân

- Đây là một nét sống đẹp, là phẩm chất cần có

- Đây là hành động khẳng định giá trị của bản thân

**+ Ý kiến đó đúng đắn như thế nào? (Lý lẽ, bằng chứng)**

- Giúp chúng ta ngày càng hoàn thiện hơn

- Được mọi người yêu quý, kính trọng và giúp đỡ

- Có được lòng tin của mọi người

+ Liên hệ mở rộng vấn đề (Lý lẽ, bằng chứng)

**C/ Kết bài**

Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động

*- GV yêu cầu HS:*

+ HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa

+ Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài của nhau.

**Rút kinh nghiệm**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Tiết ………: NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNGPHÙ HỢP VỚI LỨA TUỔI**

**(Ý thức trách nhiệm của học sinh với cộng đồng)**

**I. Mục tiêu:**

**1. Năng lực**

- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp vớĩ lứa tuổi.

- Nắm bắt được nội dung chính à nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó.

- HS biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- HS tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**2. Phẩm chất**

- Tự tin thể hiện ý kiến của bản thân

- Biết lắng nghe

- Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, tài liệu thu thập trước ở nhà,…

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV: Quan sát và trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa được rút ra từ bức hình.

- HS: Quan sát và trình bày suy nghĩ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* GV: chiếu hình trên máy chiếu
* HS: Quan sát, suy nghĩ ý kiến

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

* GV: gọi lần lượt HS trình bày ý kiến. Khuyến khích, động viên, đón nhận ý kiến của các em.
* HS: báo cáo sản phẩm; HS khác lắng nghe và tiếp tục phát biểu ý kiến.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

- GV khen ngợi các ý kiến của HS và dẫn dắt vào nội dung tiết học:

Trước những vấn đề của cuộc sống, không phải mọi người đều nhận thức giống nhau. Do vậy, chúng ta cần biết tổ chức thảo luận. Việc thảo luận đòi hỏi chúng ta phải nắm được nồi dung chính mà nhóm đã trao đổi, trình bày lại được các nội dung đó để hiểu sâu hơn về vấn đề và nâng cao khả năng nói. Cũng qua thảo luận, ta mới thấy được trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, đất nước, từ đó biết hành động một cách đúng đắn.

**Hoạt động 2:Trước khi thảo luận**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được mục đích thảo luận và người nghe; xác lập được đề tài tài luận và bước đầu hình thành các ý kiến cá nhân; tiếp nhận nhiệm vụ trong buổi thảo luận.

**b. Nội dung**: HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:  GV và HS lần lượt thực hiện những nhiệm vụ sau:  **NV 1:**  *- Bài thảo luận nhằm mục đích gì?*  *- Người nghe là ai?*  **NV 2:**  **-** Mỗi bạn viết ra giấy 01 chủ đề mà em thích, quan tâm hay có mong muốn tìm hiểu về trách nhiệm của HS với cộng đồng.  **\* Gợi ý**:  + Học sinh có cần quan tâm đến những vấn đề lớn lao của đất nước?  + Học sinh có trách nhiệm như thế nào với vấn đề trật tự an toàn giao thông?  + Học sinh cần làm gì để góp phần giữ gìn tiếng nói của dân tộc?  **NV 3: Xác lập ý kiến: (**mỗi cá nhân tự tìm hiểu, tham khảo thêm những tài liệu có liên quan, ghi chép nhanh các ý nảy sinh trong quá trình suy nghĩ để chuẩn bị phát biểu ý kiến thảo luận.)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * GV: lần lượt đưa ra yêu cầu của từng nhiệm vụ * HS: lắng nghe, suy nghĩ   **Bước 3: HS báo cáo kết quảthảo luận**  - HS: Phát biểu, trình bày câu trả lời.  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **I. Trước khi thảo luận**  **1. Xác định mục đích thảo luận và người nghe**  **- Mục đích thào luận:** Để những người tham gia thảo luận cùng hiểu đúng bản chất của vấn đề, tạo được sự đồng thuận, từ đó có thái độ và hành động phù hợp.  **- Người nghe:** Các thành viên tham gia cuộc thảo luận và những người tham dự buổi thảo luận do muốn hiểu thêm về vấn đề.  **2. Chuẩn bị nội dung thảo luận**  **- Lựa chọn đề tài:** + Học sinh cần làm gì để góp phần giữ gìn tiếng nói của dân tộc?  ***-* Xác lập ý kiến:**  + Ý kiến 1: Bản thân không nói tục, chửi bậy  + Ý kiến 2: Không lạm dụng ngôn ngữ vay mượn  + Ý kiến 3: Không dùng những từ ngữ lai căng  + Ý kiến 4: Giữ gìn tiếng nói dân tộc nhưng cũng cần làm cho nó giàu đẹp, mới mẻ để hòa nhập với thế giới.  …..  **3.Phân công nhiệm vụ**  - Lớp cử một người điều hành thảo luận đảm nhận việc sắp xếp, giới thiệu tuần tự các ý kiến, định hướng vào trọng tâm đề tài, kiểm soát thời gian phát biểu ý kiến của từng người; tổ chức đánh giá, tổng kết cuộc thảo luận.  - Cử một thư kí ghi ghép các ý kiến trong cuộc thảo luận. |

**Hoạt động 3:Tiến hành thảo luận**

**a. Mục tiêu**: HS trình bày được ý kiến của mình; lắng nghe, ghi nhớ, tổng hợp được các ý kiến.

**b. Nội dung**: HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe.

**c. Sản phẩm:**Bài trình bày thảo luận của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV:**  **?** Khi tham gia thảo luận em cần đảm bảo những yêu cầu nào?  - Nêu yêu cầu đối với các thành viên:  + Người điều hành nhắc lại đề tài, nêu định hướng và mục đích thảo luận.  + Theo định hướng của người điều hành, các thành viên trong lớp lần lượt phát biểu ý kiến. Ý kiến cần tập trung vào trọng tâm vấn đề. phân tích từng khía cạnh, có lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người nghe.  + Người phát biểu sau có thể bàn luận về vấn đề theo góc nhìn riêng, tán thành hay phản đối ý kiến của người phát biểu trước, trên cơ sở đó, khẳng định quan điểm của mình.  + Các thành viên tham gia thảo luận cần nắm được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi và trình bày lại được nội dung các ý kiến đó.  + Thư kí ghi chép các ý kiến, người điều hành dựa vào đó tổng hợp, kết luận về vấn đề. Tuỳ thực tế cuộc thảo luận, người điều hãnh có thể khẳng định sự đồng thuận của các ý kiến hoặc khái quát các nhóm ý kiến khác nhau. Mục đích cuối cùng là để mọi người hiểu sâu sắc hơn về bản chất của vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp.  **+ HS:** lắng nghe yêu cầu và thực hiện  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * **GV:**quan sát chung buổi thảo luận * **HS:**thực hiện nhiệm vụ của mình   **Bước 3: HS báo cáo kết quảthảo luận**  - **Người điều hành:**Phát biểu, nêu đề tài và mời các thành viên trình bày ý kiến.  - **Các thành viên khác:** trình bày ý kiến của cá nhân  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **Bài thảo luận của HS** |

**Hoạt động 4:Đánh giá buổi thảo luận**

**a. Mục tiêu**: HS rút ra được các tiêu chí của bài thảo luận

**b. Nội dung**: HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe.

**c. Sản phẩm:**Ý kiến nhận xét của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV:** GV đưa ra tiêu chí đánh giá buổi thảo luận.  **- HS:**tìm hiểu các tiêu chí  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * **GV:**Chiếu lên máy tiêu chí đánh giá * **HS:**đọc các tiêu chí, suy nghĩ   **Bước 3: HS báo cáo kết quảthảo luận**  - **GV:**Điều hành phần đánh giá  - **HS:**tự đánh giá bài thảo luận  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  - Ưu, nhược điểm của buổi thảo luận  **(**NX buổi thảo luận trên tinh thần khích lệ, tuyên dương) | HS tự đánh giá buổi thảo luận vềnội dung và hình thức trình bày với hai tư cách: vấn đề thảo luận và nội dung thảo luận.  - Vấn đề đời sống được thảo luận thực sự có ý nghĩa không, có tác động gì đến nhận thức của bản thân?  - Các ý kiến phát biểu đã tập trung vào trọng tâm của vấn đề chưa, có tác dụng làm sáng tỏ vấn đề như thế nào?  - Các thành viên tương tác với nhau ở mức độ nào, có thể hiện thái độ tôn trọng, học hỏi nhau trong thảo luận không?  - Người điều hành và thư kí đã thể hiện đúng vai trò của mình chưa? |

**Hoạt động 5:Củng cố, mở rộng**

**a. Mục tiêu**: HS kết luận lại được buổi thảo luận

**b. Nội dung**: nội dung cơ bản của tiết học nói và nghe.

**c. Sản phẩm:**Bản tóm tắt buổi thảo luận của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**- GV:** GV yêu cầu thư kí đọc lại nội dung buổi thảo luận

**- HS:**Chú ý, lắng nghe

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* **GV:**Quan sát, hướng dẫn thư kí.
* **HS:**thư kí chuẩn bị, HS khác lắng nghe.

**Bước 3: HS báo cáo kết quảthảo luận**

- **Thư kí:** đọc bài.

- **HS:**lắng nghe, ghi chép nhanh ý chính.

**Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**

- Tự hoàn chỉnh, rút kinh nghiệm bài nói nghe theo các tiêu chí, bảng đánh giá và góp ý của thầy cô bạn bè.

- Viết bài báo cáo cho nội dung buổi thảo luận.

- Chuẩn bị trước ở nhà nội dung bài tiếp theo.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết:

**BÀI 3. LỜI SÔNG NÚI**

**Thực hành đọc**

**CHIẾU DỜI ĐÔ**

**( Lý Công Uẩn)**

(1 tiết)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chiếu dời đô - Lý Công Uẩn |  | Tìm hiểu chi tiết văn bản: Chiếu dời đô - Lý Công Uẩn | Ngữ văn 8 |

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp [2].

***\* Năng lực đặc thù***

- HS Hiểu được chiếu là thể văn chính luận trung đại , chức năng ban bố mệnh lệnh của nhà vua. [3].

- Rèn học sinh kĩ năng đọc - hiểu một văn bản viết theo thể chiếu.[4].

- Tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn [5].

- Phân tích được sự phát triển của quốc gia Đại Việt đang trên đà lớn mạnh .[6].

- Phân tích được ý nghĩa trong đại của sự kiện dời đô từ Hoa Lư ra thành Thăng Long và sức thuyết phục mạnh mẽ của lời tuyên bố quyết dịnh dời đô.[7].

***2. Về phẩm chất:***

- Giáo dục cho học sinh trân trọng lịch sử, tình yêu nước, tìm hiểu lịch sử ngàn năm văn hiến của dân tộc.

- Nhận ra ý nghĩa trọng đại của chiếu dời đô.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về tác giả Lý Công Uẩn và văn bản “Chiếu dời đô”.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

2. Chuẩn bị của học sinh: Đọc văn bản và hoàn thành các phiếu được giao chuẩn bị trước khi đến lớp.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (…’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV**tổ chức cho học sinh xem video giới thiệu về Thăng Long và yêu cầu cảm nhận.

**GV** kết nối với nội dung của văn bản thực hành đọc.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (….’)**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản (…’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN (7’)** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6];  **Nội dung**: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.  **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.  **HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà trên nhóm zalo (hoặc Padlet) và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.    (Phiếu học tập giao về nhà)  ?Trình bày những nét cơ bản về tác giả Lý Công Uẩn.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc: Giọng đọc rõ ràng, trang trọng.  - Chú ý các từ ngữ thể hiện suy nghĩ, tình cảm sâu sắc của tác giả về một vấn đề hết sức quan trọng của đất nước.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ? Văn bản “Chiếu dời đô” viết trong hoàn cảnh nào?  ? Văn bản “Chiếu dời đô” thuộc thể loại gì?  ? Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là ngôi kể thứ mấy? Đó là lời kể của ai?  ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  Lý Thái Tổ là ai?Tiểu sử vua Lý Thái Tổ  - Lý Công Uẩn (974- 1028)  - Quê: làng Cổ Pháp (Từ Sơn, Bắc Ninh).  - Là người thông minh, nhân ái, có chí lớn, là người sáng lập vương triều nhà Lí.  **2. Tác phẩm**  a. Hoàn cảnh xuất xứ, thể loại:   Được Lí Công Uẩn viết vào năm 1010 bày tỏ ý định dời đô ra thành Đại La (Hà Nội).  - Thể loại: Chiếu.  b. Đọc, chú thích bố cục  - Từ đầu… không thể không dời đổi: phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô.  - Tiếp theo…  muôn đời: những lí do để chon Đại La làm kinh đô. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI (....’)** | | |
| **1. Tác giả phân tích bằng cách:** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [6]; [7]; [8]  **Nội dung**: Sử dụng kiến thức bản thân thực hiện nhiệm vụ.  **GV**Sử dụng phương pháp hoạt động nhóm.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2  - Thời gian: 7 phút  1. Tác giả đã phân tích những tiền đề, cơ sở lịch sử và thực tiễn của việc dời đô bằng cách nào? Tác dụng của cách lập luận ấy?  2. Nhận xét về cách lập luận của tác giả?  3. Qua đó, em có nhận xét gì về LCU?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  + *Học sinh*: thảo luận cặp đôi.  + *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ HS.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | **a. Mở đầu**: nhà vua viện dẫn sử sách, nói về việc dời đô của các vua thời xưa bên TQ:  - Thời nhà Thương 5 lần dời đô, nhà Chu 3 lần….nhằm mục đích mưu toan nghiệp lớn, xây dựng vương triều phồn thịnh tính kê lâu dài, vừa thuận theo mệnh trời (phù hợp quy luật khách quan), vừa thuận theo ý dân. -> Kq: làm cho đất nước được vững bền, phát triển thịnh vượng.  => Tác dụng: tạo một tiền đề lý luận vững chắc. Đó đều là những chuyện đã xảy ra trong thực tế  bởi vậy nếu có làm theo cũng không có gì là bất thường.  Hơn nữa những việc làm đó hợp lòng trời vừa lòng dân.  Hội tụ các yếu tố thiên thời địa lợi nhân hoà, có tác dụng thu phục lòng người.  - Sau đó, tác giả soi sử sách vào tình hình thực  tế của dân tộc để nhận xét có tính chất phê phán hai triều đại Đinh, Lê cứ đóng yên đô tại Hoa Lư gây ra những sai lầm: không theo mệnh trời (không phù hợp với quy luật khách quan), không biết học theo cái đúng của người xưa, dẫn đến hậu qủa: triều đại ngắn ngủi, nhân dân khổ sở, vạn vật không thích nghi, không thể phát triển trong vùng đất chật chội.  - Cuối cùng tác giả khẳng định: “Không thể không dời đổi”  **b. Nhận xét:**  - Cách lập luận hợp lí, chặt chẽ.  - Cùng với  dẫn chứng cụ thể, sinh động, rõ ràng tác giả đan xen những câu văn biểu cảm (tình cảm chân thành của tác giả) “Trẫm rất đau xót…” làm cho lời văn tác động mạnh đến tình cảm người nghe, người đọc làm tăng sức thuyết phục.  - Tuy nhiên cần nhìn nhận công bằng hơn với hai triều đại này vì thực ra khi đó thế và lực của triều Đinh, Lê chưa đủ mạnh để ra nơi đồng bằng, đất phẳng để phòng thủ tốt cần phải dựa vào địa thế hiểm trở của vùng núi Hoa Lư để chống giặc ngoại xâm. | |
| **2. Những lí do để chọn thành Đại La là kinh đô bậc nhất** | | |
| **Mục tiêu**: [[1]; [2]; [3]; [6]; [7]; [8]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về những lí do để chọn thành Đại La là kinh đô bậc nhất.  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Nêu yêu cầu + Chia nhóm cặp đôi + Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm  Giáo viên nêu yêu cầu:  1.Theo tác giả, những lí do nào để chon thành Đại La làm kinh đô của đất nước?  2. Tác giả đã lập luận bằng cách nào?  3. Quyết định dời đô về vùng đất nhiều lợi thế trên cho em hiểu gì về đức vua Lí Thái Tổ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  + *Học sinh*: thảo luận cặp đôi.  + *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi. | **Những lí do để chọn thành Đại La là kinh đô bậc nhất**  **1.** Theo tác giả, những lí do để chon thành Đại La làm kinh đô của đất nước:  - Về vị trí địa lí: ở vào nơi trung tâm trời đất, thế rồng cuộn hổ ngồi, mở ra 4 hướng nam bắc đông tây, có núi có sông đất rộng mà bằng phẳng, cao mà bằng phẳng, tránh được lụt lội, chật chội..  - Vị thế chính trị- văn hoá: là đầu mối giao lưu, chốn hội tụ của 4 phương là mảnh đất hưng thịnh *“muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi”.*  **2.** Tác giả đã lập luận bằng cách:  - Sử dụng từ “huống gì” nối kết đoạn văn: lôgíc và liền mạch.  - Sử dụng câu văn biền ngẫu, mỗi câu có hai vế tác động bổ sung cho nhau với NT đối rất chỉnh (đối ý, đối lời, đối thanh, đối nhịp).  - Có sự kết hợp hài hoà các yếu tố nghị luận và biểu cảm “Xem khắp….”  - Hình ảnh vừa tả thực vừa bay bổng tạo vẻ đẹp hào hùng cho phong cảnh Đại La.  ***-***Lí lẽ đưa ra rất chặt chẽ được dẫn dắt cụ thể linh hoạt . Tất cả nhấn mạnh địa thế tuyệt vời của thành Đại La.  **3**. Quyết định dời đô về vùng đất nhiều lợi thế trên cho thấy đức vua Lí Thái Tổ là một người có tầm nhìn chiến lược, có quyết định sáng suốt biết nhìn xa trông rộng, có ý chí hoài bão lớn lao, có ý thức trách nhiệm với đất nước, dân tộc. | |
| **III. TỔNG KẾT** | | |
| **Mục tiêu**: [2]; [3]  **Nội dung**: Tổng kết nội dung, nghệ thuật văn bản.  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung và những điều rút ra từ văn bản.  **HS** làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên. | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *- Giáo viên*: nêu yêu cầu  Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  **-***Hs:* tiếp nhận  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - *Học sinh*: thảo luận cặp đôi.  - *Giáo viên*: quan sát, hỗ trợ hs  *- Dự kiến sản phẩm:*  ***+***NT: - Bố cục 3 phần chặt chẽ.  - Giọng văn trang trọng, thể hiện suy nghĩ, tình cảm sâu sắc của tác giả về một vấn đề hết sức quan trọng của đất nước.  - Lựa chọn ngôn ngữ có tính chất tâm tình, đối thoại.  + ND: Phản ánh khát vọng của ND về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự lực, tự cường của dân tộc ĐV đang trên đà lớn mạnh  **B3. Báo cáo kết quả:**Hs trả lời  **B4. Đánh giá kết quả:**  - Học sinh: các nhóm nhận xét , bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng | **1. Nghệ thuật**  - Bố cục 3 phần chặt chẽ.  - Giọng văn ........  - Lựa chọn ngôn ngữ ...  **2. Nội dung**  - Phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. | |

**2.2 Viết kết nối với đọc (7’)**

**Mục tiêu**:[3]; [8]

**Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu cảm nhận về nội dung và nghệ thuật văn bản *“ Chiếu dời đô”* của Lý Công Uẩn.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét…

**B4: Kết luận, nhận định (**GV)

- Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết:  **ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Hiểu được chủ đề, bối cảnh, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ trong một truyện lịch sử.

- Nắm được chủ đề, một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật (bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối) thể hiện qua bài thơ đã đọc.

- Hiểu luận đề, luận điểm, lĩ lẻ và bằng chứng tiêu biểu; sự khác biệt giữa lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến đánh giá chủ quan của người viết trong văn bản nghị luận.

**2. Năng lực** – Thu thập và tìm hiểu một tác phẩm văn học

**3. Phẩm chất** - Chăm chỉ trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi yêu cầu HS ghi ra giấy những bài thơ, truyện về chủ đề: *Lời sông núi* mà em đã sưu tầm được.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV trình chiếu hình ảnh gợi nhắc đến 1 số tác phẩm liên quan đến chủ đề và đặt câu hỏi: ? Kể tên các tác phẩm em sưu tầm được với chủ đề: *Lời sông núi*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV điều phối:

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận;

+ HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**B. HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức thảo luận nhóm đôi kết hợp PHT để làm bài tập số 1, gợi mở để HS sáng tạo các sản phẩm liên quan đến chủ đề.

**c. Sản phẩm học tập:** PHT, sản phẩm sáng tạo của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: PHT để học sinh thảo luận theo hình thức nhóm đôi

**Bài 1:** Điền thông tin về đặc điểm của các tác phẩm em sưu tầm được vớ chủ đề:*Lời núi sông*. (mỗi HS hoàn thiện ít nhất được 1 tác phẩm sưu tầm được).

**PHT số 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhan đề tác phẩm truyện | Nội dung chính | Chủ đề | Ngôi kể và tác dụng | Nhân vật ấn tượng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhan đề bài thơ | Thể thơ | Nội dung chính | Chủ đề | Hình ảnh | Vần, nhịp, biện pháp tu từ đặc sắc |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**Bài 2:** Diễn tả nội dung một tác phẩm em đã đọc và tìm hiểu trong bài *Lời sông núi* bằng một hình thức nghệ thuật mà em thích (tranh, truyện tranh, nhạc, kịch bản hoạt cảnh,…)

**Bài 3**Đọc bài thơ sau đây và trả lời các câu hỏi:

*Vẫn là hào kiệt, vẫn phong lưu,  
Chạy mỏi chân thì hẵng ở tù.  
Đã khách không nhà trong bốn bể,  
Lại người có tội giữa năm châu.  
Dang tay ôm chặt bồ kinh tế,  
Mở miệng cười tan cuộc oán thù.  
Thân ấy hãy còn, còn sự nghiệp,  
Bao nhiêu nguy hiểm sợ gì đâu.*

*( Vào nhà ngục Quảng Đông – Phan Bội Châu)*

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Nêu khái quát đặc điểm thể thơ đó?

Câu 2: Nêu nội dung bài thơ?

Câu 3: Hãy chỉ ra nghệ thuật tiêu biểu trong bài thơ và nêu tác dụng?

Câu 4: Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về thông điệp được gửi gắm qua đoạn thơ.

**Dự kiến sản phẩm**

**Câu 1:**

* Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

Đặc điểm: Gồm tám câu, mỗi câu bảy chữ.

+ Bài thơ gồm bốn phần đề - thực - luận - kết.

+ Phần đề gồm hai câu đầu, giới thiệu chung về vấn đề cần nói tới.

+ Hai câu 3-4 gọi là phần thực, có nhiệm vụ tả thực vấn đề.

+ Hai câu 5-6 gọi là phần luận. Phần này cũng đối nhau, có nhiệm vụ bàn luận, mở rộng vấn đề, làm cho ý thơ sâu sắc hơn.

+ Hai câu cuối gọi là phần kết, với nhiệm vụ kết thúc, tổng kết vấn đề.

+ Bài thơ Đường luật gieo vần ở tiếng cuối câu 1 - 2 - 4 - 6 - 8 và là vần bằng.

+ Bài thơ còn có niêm, câu 1 dính với câu 8; câu 2 với câu 3; câu 4 với câu 5; câu 6 với câu 7. Niêm có nghĩa là sự giống nhau về B - T theo nguyên tắc: “Nhất, tam, ngũ bất luận; Nhị, tứ, lục phân minh”.

+ Thông thường, thơ thất ngôn bát cú Đường luật ngắt nhịp 3/4 hoặc 4/3, đôi khi ngắt nhịp theo 2/2/3 hoặc 3/2/2 tùy theo mỗi bài.

**Câu 2:**Bài thơ thể hiện khí phách hiên ngang, bất khuất và tinh thần lạc quan cách mạng của người chiến sĩ trong cảnh tù đày nguy hiểm.

**Câu 3:**

* **Nghệ thuật:** giọng điệu hào hùng, khoa trương, bút pháp lãng mạn vận dụng nhuần nhuyễn, thể thơ thất ngôn bát cú với các phép đối chặt chẽ
* **Tác dụng:** Làm cho tầm vóc nhân vật trữ tình trở nên lớn lao, kì vĩ.

**Câu 4: Gợi ý**

Người tù trong *"Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác"* xuất hiện với một phong thái thật đường hoàng, tự tin, thật ung dung thanh thản. Việc bị bắt trở thành sự chủ động dừng chân nghỉ ngơi trên chặng đường bôn tẩu dài dặc. Tiếng cười cất lên ngạo nghễ giữa song sắt nhà tù, bất chấp gông cùm xiềng xích, khắc tạc người anh hùng đứng cao hơn mọi sự cùm kẹp, đày đoạ của kẻ thù, cảm thấy mình hoàn toàn tự do thanh thản về mặt tinh thần. Cuộc đời người tù ấy là chuỗi những ngày dài của nỗi đau, sự cô đơn nơi bốn bể, sự truy bắt của kẻ thù. Nỗi đau của Phan Bội Châu trở thành nỗi đau lớn lao của bậc anh hùng, là nỗi đau thương của cả một đất nước. Và chính vì đã trải qua tất cả những khổ cực mà người tù ấy càng trở nên sắt đá, bản lĩnh, hiên ngang hơn trước quân thù. Đến đây ta mới thấy hết khí phách anh hùng của Phan Bội Châu. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt khách không nhà, người có tội, ông vẫn giữ vững chí khí hào kiệt: *"Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế / Mở miệng cười tan cuộc oán thù"*. Hoài bão kinh bang tế thế (lo nước, cứu đời) đã đưa người chiến sĩ cách mạng từ một người tù nhỏ bé vụt lớn lên trở thành một hình ảnh lớn lao đến mức phi thường, thần thánh. Có thể nói, người tù với bản lĩnh phi thường đã truyền vào tâm hồn chúng ta một niềm tự hào về truyền thống bất khuất, hiên ngang của các nhà cách mạng tiền bối.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động

- HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(THỰC HÀNH ĐỌC)**

**a. Mục tiêu:** HS sưu tầm, đọc thuộc, ghi nhớ những bài thơ với chủ đề đã học.

**b. Nội dung:** Gv hướng cho HS thi đọc thơ với chủ đề: *Lời sông núi*

**c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

+ Chia lớp thành 3 nhóm. Cho các nhóm thi đọc thơ.

+ Yêu cầu: Thơ thất ngôn bát cú đường luật viết về tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.

Nhóm nào đọc được nhiều nhất, đọc hay, diễn cảm nhất sẽ giành chiến thắng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện, luân phiên đọc thuộc thơ một cách diễn cảm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động

- HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Tài liệu được chia sẻ bởi

https://www.vnteach.com

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/